

Số/No.: 2635/2022/XMPCB40 (D1-D2)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/Date: 05/09/2022

Trang/Page: 1/1

- Tên mẫu:** Xi măng poóc-lăng hỗn hợp PCB40 (Tên thương mại: Xi măng Vicem Hà Tiên PCB40)
Name of sample: Portland Blender Cement PCB40
- Số lô:** 06-07/08/2022 **Ngày xuất:** 06-07/08/2022 **Khối lượng lô hàng:** 699.0 tấn
Lot no.: Date of delivering: Volume of consignment:
- Ngày sản xuất:** 02/08/2022 **Thời gian thử nghiệm:** 08/08/2022 - 05/09/2022 **Phương pháp lấy mẫu:** HD-516-01-02 (*)
Date of manufacture: Sampling method:
- Ngày lấy mẫu:** 06-07/08/2022 **Ngày thử nghiệm:** 06-07/08/2022 **Phương pháp công nghệ:** Trộn nghiền 6H2
Date of sampling: Date of testing: Processing admixture: Grinding aid 6H2
- Phụ gia khoáng:** Puzzoland, Đá vôi, Xi lò cao, Tro bay, Cát kết
Mineral additives: Puzzoland, Limestone, Granulated blast furnace slag, Fly ash, Sandstone
Mineral additives: Puzzoland, Limestone, Granulated blast furnace slag, Fly ash, Sandstone
- Tên khách hàng/Client:** Xi nghiệp Tiêu thụ & Dịch vụ - Công ty CP Xi Măng Vicem Hà Tiên
Địa chỉ/Address: 09+19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp. HCM
- Điều kiện thử nghiệm/Testing conditions:**
- Phòng tạo mẫu và thử mẫu/ Mixing and testing room: $t = (27 \pm 2) ^\circ\text{C}$, $R_h \geq 50\%$
- Bể nước bảo dưỡng mẫu/ Water curing tank: $t = (27 \pm 1) ^\circ\text{C}$
- Tủ môi trường/ Humidity cabinet: $t = (27 \pm 1) ^\circ\text{C}$, $R_h \geq 90\%$
- Kết quả thử nghiệm/Test results:**

CHỈ TIÊU Characteristics	PHƯƠNG PHÁP THỬ Test method	YÊU CẦU KỸ THUẬT Standard specification TCVN 6260 : 2020	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test result
1. Cường độ nén/Compressive Strength,			
- 3 ngày $\pm 45'$ / 3 days ± 45 mins	MPa	TCVN 6016 : 2011	≥ 18 20.9
- 28 ngày ± 8 giờ/ 28 days ± 8 h	MPa		≥ 40 42.5
2. Thời gian đông kết/Setting time,			
- Bắt đầu - Initial,	min	TCVN 6017 :2015	≥ 45 180
- Kết thúc - Final,	min		≤ 420 220
3. Độ nghiền mịn/Fineness			
- Phần còn lại trên sàng 0,045 mm	%	TCVN 4030 : 2003	12 (***) 8.8
- Residue on sieve 0,045 mm	%		4000 (***) 4240
- Bề mặt riêng/ Blaine:	cm ² /g		
- Specific surface/ Blaine	mm	TCVN 6017 :2015	≤ 10 0.58
4. Độ ổn định thể tích theo Le Chatelier			
Soundness, Le Chatelier method	%	TCVN 141 : 2008	≤ 3.5 1.80
5. Hàm lượng SO₃/Sulfur trioxide content			
6. Hàm lượng MKN/Loss on ignition	%	TCVN 141 : 2008	≤ 10 3.68

Ghi chú/ Note:

- Phiếu kết quả thử nghiệm này thay thế cho phiếu Số/No.: 2635/2022/XMPCB40 (D1-D2) (1) - "nếu có"

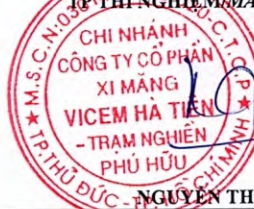
Nhận xét/Remark:

Đạt/pass:

☒

Không đạt/None ☐


VILAS 436

TL. GD TRẠM NGHIÊN PHÚ HỮU/PP DIRECTOR
TP. THỦ ĐỨC/MANAGER OF LAB DEPT


NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH

1 Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nêu trên - Test results are valid for the namely submitted sample only.

2 Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm, (ngoại trừ toàn bộ) nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trưởng phòng TN

This test report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Laboratory manager.

3 (*) Chỉ tiêu chưa được báo cáo nghiệm phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025. The test hasn't been found to conform with the requirement of ISO/IEC 17025: by BoA.

4 (***) Áp dụng theo TCVN 24-2022. Apply according to TCVN 24-2022